

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 06 - 2024.

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lập.

Ông Huỳnh Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Dương Kiện A**, sinh năm: 1999 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long..

- Bị đơn: Chị **Trần Lê Thanh T**, sinh năm: 2001 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Dương Kiện A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 24 tháng 9 năm 2019.

Sau khi kết hôn anh và T sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh A tại ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Anh và chị T đã sống ly thân nhau từ tháng 03 năm 2024 cho đến nay.

Nay anh A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên anh A yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Trần Bảo A1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Cháu Bảo A1 đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn anh A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo A1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A1. Anh A yêu cầu nuôi cháu A là vì anh A có điều kiện nuôi dưỡng con hơn, anh A mở cửa hàng sửa xe tại nhà, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000đ/tháng, nhà ở gần trường học; phía chị T phải đi làm, lương thấp không có thời gian chăm sóc con, chỗ ở cũng không ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Trần Lê Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất theo lời trình bày của anh A.

Nay với yêu cầu xin ly hôn của anh A thì chị T đồng ý.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Dương Trần Bảo A1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Cháu Bảo A1 đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo A1 và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A1. Anh A trình bày là không đúng, chị T có nơi ở ổn định, cháu Bảo A1 do chị T và gia đình chăm sóc rất tốt, sức khỏe phát triển bình thường, thu nhập của chị T đảm bảo để nuôi cháu Bảo A1. Anh A có lần ném đồ vật gây bầm mặt cháu Bảo A1.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến:* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh A và chị T thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh A và chị T.

Về con chung: Anh A và chị T có 01 con chung tên Dương Trần Bảo A1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Cháu Bảo A1 đang sống chung với chị T và đang phát triển rất tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bảo A1 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh A và chị T không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Dương Kiện A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh và chị Trần Lê Thanh T. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh A và chị T do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 24 tháng 9 năm 2019 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Nay anh A và chị T thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn giữa anh A và chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh A và chị T có 01 con chung tên Dương Trần Bảo A1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020. Anh A và chị T cùng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bảo A1.

Xét thấy, từ khi anh A và chị T sống ly thân cho đến nay thì chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo A1 và hiện tại sức khỏe cháu Bảo A1 đang phát triển rất tốt. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu Bảo A1 cần tiếp tục giao cháu Bảo A1 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng cháu Bảo A1 nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bảo A1.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Anh A và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí sơ thẩm:* Buộc anh A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Dương Kiện A.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Dương Kiện A và chị Trần Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Dương Trần Bảo A1, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2020 cho chị Trần Lê Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Dương Kiện A không phải dưỡng nuôi cháu Dương Trần Bảo A1.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Anh Dương Kiện A và chị Trần Lê Thanh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí sơ thẩm:

Buộc anh Dương Kiện A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009012 ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Dương Kiện A đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Chị Trần Lê Thanh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương